

Bản án số: 32/2019/HSST

Ngày: 25/6/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ỨNG HOÀ – TP. HÀ NỘI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Đình Kiến

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Vân và ông Đặng Viết Côi.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Diệu Tuyết – Thẩm tra viên
Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hoà tham gia phiên toà:
Ông Nguyễn Thuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ứng Hoà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 34/2019/HSST ngày 30/5/2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2019/QĐXXST-HS ngày 14/6/2019 đối với bị cáo: **Trần Xuân S** (tên gọi khác: Hai) - sinh năm 1984, Nơi sinh, nơi ĐKKHKT và nơi ở: thôn V, xã Hồng S, huyện M, TP. Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Xuân Phụng và bà Nguyễn Thị Tiến; có vợ: Phạm Thị Lan – sinh năm 1986 và 03 con (lớn nhất SN 2006, nhỏ nhất SN 2015); tiền án, tiền sự: không; nhân thân: - Ngày 24/01/2007 bị TAND thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt ngày 01/8/2007; - Ngày 27/4/2009 bị TAND huyện Mỹ Đức, TP. Hà Nội xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt ngày 05/8/2009; - Ngày 28/10/2010 bị TAND huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt ngày 24/7/2012. Bị cáo bị bắt, bị tạm giam giữ từ ngày 26/3/2019 đến nay. Có mặt theo lệnh trích xuất.

**** Người bị hại:*** Chị Lê Huyền Sâm – sinh năm 1986 (Vắng mặt)

Trú tại: thôn Đạo Tú, xã Quảng Phú Cầu, huyện Ứng Hòa, TP - Hà Nội.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

- Anh Đặng Văn Mong – sinh năm 1983 (Vắng mặt)

Trú tại: thôn Đạo Tú, xã Quảng Phú Cầu, huyện Ứng Hòa, TP - Hà Nội.

- Ông Trần Xuân Phụng – sinh năm 1957 (Có mặt)

Trú tại: thôn Vĩnh An, xã Hồng S, huyện Mỹ Đức, TP. Hà Nội;

** Người làm chứng:*

- Chị Phạm Thị Lan - sinh năm 1986 (Có mặt)

Trú tại: thôn Vĩnh An, xã Hồng S, huyện Mỹ Đức, TP. Hà Nội;

- Ông Phạm Văn Chung – sinh năm 1946 (Vắng mặt)

- Bà Lưu Thị Dung – sinh năm 1945 (Vắng mặt)

- Chị Phạm Thị Huệ - sinh năm 1987 (Vắng mặt)

Đều trú tại: Nguyễn Thượng Hiền, TT Vân Đình, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 19 giờ ngày 26/3/2019, Trần Xuân S lấy 01 mũi văm phá khóa xe máy và 01 chiếc cờ lê 8 của nhà cho vào túi quần, rồi nói với vợ là Phạm Thị Lan – SN 1986 “Đi với chồng có việc”, Lan hỏi “Đi đâu?”, S trả lời “Đi có việc”, rồi lấy xe mô tô Wave màu xanh không có biển kiểm soát (BKS) của bố đẻ là ông Trần Xuân Phụng chở Lan đi qua cầu Phùng Xá – Mỹ Đức sang thị trấn Vân Đình, rồi đi đến ngã ba Quán Tròn rẽ tay phải đi đến thôn Đạo Tú, xã Quảng Phú Cầu thì nhìn thấy ở dẽ đường bên trái theo hướng đi, trước cửa hiệu Răng Hàm Mặt có mấy chiếc xe máy dựng ở đó. S đi qua khoảng 10m thì quay đầu xe đi ngược lại khoảng 10m thì dừng xe và bảo Lan “Đứng đây đợi anh một tý” rồi xuống xe, quan sát xung quanh thấy không có người thì đi đến chỗ xe mô tô BKS: 30Y4-1972 của chị Lê Thị Huyền Sâm – SN 1986 ở Đạo Tú, Quảng Phú Cầu dựng ở đó. S lấy văm phá khóa cắm vào ổ khóa điện của xe, cho cờ lê 8 vào đuôi văm vặn mạnh một cái thì mở được, rồi để nguyên văm phá khóa ở đó, cài cờ lê vào khung xe rồi nổ máy, điều khiển xe đến chỗ Lan và nói “Đi thôi”. Lan điều khiển xe đi trước, S điều khiển xe vừa lấy trộm được đi sau, Lan hỏi “Anh đi xe của ai đây?”, S nói “Mượn của bạn anh”, rồi S tăng ga vọt đi trước ra Quán Tròn, đi về hướng thị trấn Vân Đình, khi đến thôn Vũ Nội, Liên Bạt thì đi ra cánh đồng Man rồi dừng lại lấy cờ lê tháo BKS cất vào cốp xe, rồi lại cài cơ lê ở khung xe và điều khiển xe đi về nhà bố vợ là ông Nguyễn Văn Chung – SN 1946 ở phố Nguyễn Thượng Hiền, thị trấn Vân Đình, dựng xe ở phòng ngoài, rồi đi vào trong nhà uống nước cùng ông Chung. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, S mở cửa dắt chiếc xe vừa trộm được đem ra gốc cây bàng ở phía ngoài đường cánh nhà khoảng 10m để ở đây. Cùng lúc, lực lượng công an thấy S cùng chiếc xe không có BKS nên đã đưa về trụ sở làm việc và ra lệnh bắt giữ người khẩn cấp.

Vật chứng thu giữ: - 01 chiếc mô tô BKS: 30Y4-1972; - 01 xe mô tô Wave màu xanh không có BKS, số máy 0801764, số khung 821593 (Đối với chiếc văm phá khóa và chiếc cờ lê 8 bị cáo khai làm rơi trên đường đi, CQĐT đã truy tìm nhưng không thu hồi được).

Tại Kết luận định giá tài sản số 23 ngày 29/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện Ứng Hòa xác định: - chiếc xe mô tô BKS: 30Y4-1972 trị giá 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng).

Bản cáo trạng số 34/CT-VKS ngày 30/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa truy tố Trần Xuân S về tội: “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự (Viết tắt: BLHS).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của BLHS, xử phạt Trần Xuân S từ 27 đến 30 tháng tù. Về hình phạt bổ sung: áp dụng khoản 5 Điều 173 của BLHS phạt bổ sung bị cáo từ 05 đến 10 triệu đồng.

Đối với Phạm Thị Lan đi cùng nhưng không biết việc S phạm tội nên không bị coi là đồng phạm; mặt khác, do S phạm tội ít nghiêm trọng, Lan lại là vợ của S nên Lan không phạm tội “Không tố giác tội phạm”.

Đối với ông Phạm Văn Chung, Bà Lưu Thị Dung và chị Phạm Thị Huệ là bố mẹ và em vợ S, cả ba người đều không biết việc S để xe máy trộm cắp ở nhà mình nên không phạm tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” hoặc tội “Không tố giác tội phạm”

Về vật chứng và trách nhiệm dân sự: chị Lê Huyền Sâm và chồng là anh Đặng Văn Mong đã nhận lại xe mô tô BKS: 30Y4-1972, đồng thời không yêu cầu bồi thường khắc phục phần hư hỏng ổ khóa điện nên không đặt ra xe xét.

Đối với chiếc xe mô tô Wave màu xanh không có BKS mà S dùng làm phương tiện trộm cắp tài sản là của ông Trần Xuân Phụng. Khi S lấy xe này đi ông Phụng không biết nên không có lỗi, đề nghị trả lại ông Phụng xe này.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng, tỏ ra hối hận và xin giảm nhẹ hình phạt. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (ông Trần Xuân Phụng) xin được trả lại xe mô tô của mình chưa đăng ký.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình tiến hành tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố, Điều tra viên và Kiểm sát viên đều thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật.

[2] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội. Lời khai tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) có đủ căn cứ xác định: Lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu, tối ngày 26/3/2019, Trần Xuân S đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 chiếc xe mô tô BKS: 30Y4-1972 của vợ chồng chị Lê Thị Huyền Sâm ở Đạo Tú, Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa, Hà Nội, chiếm đoạt tài sản trị giá 17.000.000đ

(Mười bảy triệu đồng) nên đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự (viết tắt: BLHS).

Bởi vậy, cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản pháp luật áp dụng như đã viện dẫn là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang, lo lắng trong nhân dân, làm mất ổn định trật tự xã hội. Đáng lưu ý, bị cáo đã 03 lần bị xét xử và đều phải chấp hành hình phạt tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tuy đều đã được xóa án tích nhưng bị coi là có “nhân thân xấu”,

[4] Xét tính chất, mức độ và mục đích phạm tội của bị cáo thấy: Bị cáo có sức khỏe, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi nhưng cố ý vi phạm, không coi các bản án trước là bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà vẫn ham chơi, đua đòi, không chịu lao động kiếm tiền bằng chính sức lao động của mình mà tìm cách trộm cắp tài sản để bán lấy tiền tiêu sài cho bản thân, thể hiện thái độ bất chấp, coi thường pháp luật; vì vậy, cần phải có hình phạt nghiêm, phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, đồng thời cần phải áp dụng hình phạt bổ sung mới có tác dụng cải tạo, giáo dục riêng và dằn đe, phòng ngừa chung.

[5] Tuy nhiên, khi xem xét quyết định hình phạt HĐXX thấy: bị cáo không có tiền tiết tăng nặng, quá trình điều tra và tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS; đây là căn cứ xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt để bị cáo yên tâm cải tạo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật và chính sách nhân đạo của Đảng và Nhà nước đối với người phạm tội.

[6] Đối với Phạm Thị Lan là vợ của bị cáo, trước, trong và sau khi trộm cắp được xe mô tô S không trao đổi, bàn bạc gì với Lan; Lan không biết mục đích của S chở mình đi cùng để trộm cắp, chỉ đến khi S bị bắt giữ cùng xe mô tô gần cổng nhà bố đẻ mình thì Lan mới biết nên không có lỗi, không bị coi là đồng phạm với S.

[7] Đối với ông Phạm Văn Chung, bà Lưu Thị Dung và chị Phạm Thị Huệ là bố mẹ vợ và em vợ của S, sau khi lấy trộm được xe S đã mang đến nhà ông Chung để ở phòng ngoài trước cửa. Ông Chung, bà Dung, chị Huệ đều không biết S để xe này ở nhà mình nên không có lỗi.

[8] Về vật chứng và trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra làm rõ chiếc xe mô tô bị cáo chiếm đoạt là tài sản hợp pháp của vợ chồng anh Mong và chị Sâm nên cơ quan điều tra đã trả lại. Anh Mong, chị Sâm đã nhận lại tài sản đồng thời không yêu cầu bị cáo phải bồi thường phần hư hỏng ổ khóa điện; do vậy, HĐXX không đặt ra xem xét. Đối với chiếc xe mô tô Wave màu xanh không có BKS mà S dùng làm phương tiện phạm tội là của ông Trần Xuân Phụng là bố đẻ của S, ông Phụng mua xe này nhưng chưa đăng ký. Ngày 26/3/2019 ông Phụng để xe và chìa khóa xe ở nhà rồi đi làm vắng, việc S lấy xe đi ông không

biết nên không có lỗi. Ông Phụng có đơn xin lại xe này. Xét việc ông Phụng không có lỗi trong việc S sử dụng xe của ông đi trộm cắp, việc xin lại xe của ông là hợp pháp, chính đáng nên cần trả lại ông xe này.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Xuân S (tên gọi khác: Hai) phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Áp dụng khoản 1 và khoản 5 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt Trần Xuân S 15 (Mười lăm) tháng tù; thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/3/2019, tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án. Phạt bổ sung bị cáo 5.000.000đ (Năm triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

2. Về vật chứng và trách nhiệm dân sự: Xác nhận việc anh Đặng Văn Mong và chị Lê Huyền Sâm đã nhận lại xe mô tô BKS: 30Y4-1972 của mình, đồng thời không yêu cầu bị cáo phải bồi thường khắc phục hậu quả đối với ổ khóa điện của xe bị hư hỏng. Áp dụng khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, trả lại ông Trần Xuân Phụng xe mô tô Wave màu xanh chưa đăng ký biển kiểm soát, có số máy 0801764, số khung 821593 (*Có tình trạng, đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ứng Hòa ngày 12/6/2019*).

3. Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Trần Xuân S phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo, người bị người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ (*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chỉ được kháng cáo nội dung liên quan đến quyền lợi của chính mình*).

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- CA, VKS, THADS h.Ứng Hoà;
- Bị cáo, Người bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Kiến

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

